2026-10-22 CSCA30_De_11_Cau_038

Mã bài CSCA30_De_11_Cau_038

Đề 11 · Câu 038 · Ngày 2026-10-22

Chương 09 - Đường thẳng trong mặt phẳng · Khó

Kết quả / 答案 A

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：$(x-1)^2+16=25$。

→ 原理：两点间距离（向量的模）：$AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$（勾股定理），空间中再加 $(z_2-z_1)^2$。

第2步：$x-1=\pm 3$。

→ 原理：继续运用：两点间距离（向量的模）：$AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$（勾股定理），空间中再加 $(z_2-z_1)^2$。

第3步：$x=4$ 或 -2。

→ 原理：把已求得的值代入上一步的公式，按先乘方、再乘除、后加减的顺序仔细计算，并约分到最简。

说明：由距离公式得 $(x-(1))^2+(0-(-4))^2=25$，所以 $(x-(1))^2=9$。故 $x=1\pm 3$，即 $x=4$ 或 $x=-2$，两个解都应保留。

结论：选 A。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – $AB^2=(x-1)^2+(0+4)^2=25.$

→ Lý thuyết: Khoảng cách hai điểm (độ dài vectơ): $AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$, chính là định lý Pythagore; trong không gian thêm $(z_2-z_1)^2$. Phương trình chứa bình phương thường cho hai nghiệm, phải lấy đủ.

Bước 2 – $(x-1)^2=9\Rightarrow x-1=\pm 3.$

→ Lý thuyết: tiếp tục áp dụng – Khoảng cách hai điểm (độ dài vectơ): $AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$, chính là định lý Pythagore; trong không gian thêm $(z_2-z_1)^2$.

Bước 3 – $x=4$ hoặc $x=-2$ (lấy đủ hai nghiệm).

→ Lý thuyết: Thay các giá trị đã có vào công thức của bước trước và tính toán cẩn thận theo thứ tự: lũy thừa, rồi nhân – chia, cuối cùng cộng – trừ; rút gọn phân số về tối giản.

Nhận xét: Công thức khoảng cách cho $(x-(1))^2+(0-(-4))^2=25$, suy ra $(x-(1))^2=9$. Do đó $x=1\pm 3$, tức $x=4$ hoặc $x=-2$. Cần lấy đủ cả hai nghiệm.

Kết luận: chọn A.

Mở đề bài / 查看题目